| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐIỆN BIÊN**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 70/2023/HNGĐ - ST
Ngày 18/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đặng Thị Thùy Dương.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nông Trung Kiên
Bà Nguyễn Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa***:
Ông Trần Hồng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lò Thị S - S năm 1992
Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện Th, tỉnh Sơn La

*2. Bị đơn:* Anh Lò Văn Th, S năm 1992
Địa chỉ: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn Th sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2014 nhưng đến ngày 09/3/2016 nới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị S và anh Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hòa thuận hạnh phúc đến khi anh Th sử dụng ma túy, gia đình đã động viên khuyên ngăn nhưng anh Th không nghe. Tháng 9 năm 2015 anh Th bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sau khi chấp hành xong anh Th vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay không liên lạc gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm của chị với anh Th không còn, không thể chung sống với nhau được nữa  nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Th.

*Về con chung:* Chị S khai, chị và anh Th có 01 con chung là Lò Thị Ngọc A, S ngày 22/3/2017, hiện nay con chung đang ở cùng chị. Nguyện vọng của chị S, con chung sẽ do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản*:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị S khai không có.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án và tống đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị S cho anh Th biết để anh Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Th không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Th vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81 Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S.  Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị S.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

*[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Chị Lò Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn Th và yêu cầu giải quyết về con chung. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Th cư trú tại Bản Ten Núa, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Th vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa, anh Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

*[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Lò Thị S và anh Lò Văn Th sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2014 nhưng đến ngày 09/3/2016 nới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Th là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh Th sử dụng ma túy, gia đình đã động viên khuyên ngăn nhưng anh Th không nghe. Tháng 9 năm 2015 anh Th bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sau khi chấp hành xong anh Th vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay không liên lạc gì với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị S cho anh Th biết để anh Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Th không gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án thể hiện anh Th không có thiện trí hoà giải. Tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2023, đại diện chính quyền địa phương xã Núa Ngam, huyện Điện Biên đã cung cấp. Anh Th và chị S chung sống cùng nhau không hòa thuận, nguyên nhân do anh Th có sử dụng ma túy, anh chị đã ly thân, chị S đã chuyển về S sống cùng bố mẹ đẻ tại bản Nà La, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị S và anh Th là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị S.

*[2.2]. Về con chung:* Chị S và anh Th có 01 con chung là Lò Thị Ngọc A, S ngày 22/3/2017. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị S và anh Th ly thân, con chung S sống cùng chị S do chị S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, nghề nghiệp của S là làm ruộng nên thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị S, giao con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp

dưỡng nuôi con, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*[2.3]. Về quan hệ tài sản:*

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị S khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

*[3]. Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị S là người dân tộc thiểu số S sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, sau khi Tòa án thụ lý vụ án chị S có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005129 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lò Thị S được ly hôn anh Lò Văn Th

*2. Về con chung:* Chị Lò Thị S được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Lò Thị Ngọc A, sinh ngày 22/3/2017 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*3. Về tài sản:* Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Không giải quyết

*4. Về án phí:* Chị Lò Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Lò Thị S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005129 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên

*5. Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn Th đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Núa Ngam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thùy Dương**